TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024 /HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2024
V/v tranh chấp " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng.**
Các Hội thẩm nhân dân :
1/ Ông **Lê Văn Kiệt.**
2/ Bà **Bùi Thị Thu Nhi.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Huỳnh Thị Như Thảo -** Cán bộ TAND TP Mỹ Tho.

- Đại diện VKSND TP Mỹ Tho: Không tham gia.

Ngày 23/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 708/2023/TLST- HNGĐ ngày 23/11/2023 về việc " Ly hôn" theo quyết định xét xử số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2024 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Anh Nguyễn Phi H, sinh 1978.(Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 52, ấp Mỹ Thạnh, xã A, TP B, Tiền Giang.
Bị đơn : Chị Tăng Kim N, sinh 1979. (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 15/17 Nguyễn Tri Phương, phường C, TP B, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Phi H trình bày:*

Anh và chị Tăng Kim N tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2002, đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, TP B, Tiền Giang. Hai người chung sống hạnh phúc thời gian đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẩn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, hai người nhiều lần hàn gắn, hòa giải với nhau nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ năm 2009 đến nay. Anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn:* Chị Tăng Kim N, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải nhưng chị đều vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được và phiên tòa xét xử đến lần 2 chị N vẫn vắng mặt.

. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

* Tài liệu do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện, bản tự khai, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), CMND (bản sao chứng thực); Bị đơn: Không; Tòa án thu thập: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn yêu cầu của anh Nguyễn Phi H thì anh và chị Tăng Kim N kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2007 theo quy định của pháp luật nên quan hệ giữa anh H và chị N được pháp luật công nhận là vợ chồng. Anh H xin ly hôn với chị N thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Mỹ Tho.

Chị N vắng mặt không rõ lý do, anh H có đơn xin vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt anh H, chị Sương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh H và chị N từ khi chung sống với nhau chỉ hạnh phúc thời gian đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mặc dù anh chị cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng hơn, anh chị cũng ly thân với nhau. Anh H không còn tình cảm vợ chồng với chị N nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với chị N. Đối với chị Tăng Kim N, sau khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để làm bản khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, xét xử nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do, chị không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có thật, chị không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không tôn trọng pháp luật. Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Phi H và chị Tăng Kim N là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

[7] Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;

- Các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phi H.

Anh Nguyễn Phi H được ly hôn với chị Tăng Kim N.

- Về con chung: Không xem xét.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Phi H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005373 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Mỹ Tho nên xem như nộp xong.

- Về quyền kháng cáo: Anh H, chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TPMT;
- Chi cục THADS TPMT;
- UBND xã Mỹ Phong;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng